# 20 CÂU LUYỆN TẬP

## Thì Hiện Tại Đơn — Buổi 2

Họ tên học viên: ..... Ngày: .....

Hướng dẫn: Khoanh tròn đáp án đúng cho mỗi câu. Đáp án ở trang cuối, chỉ xem sau khi làm xong.

**BẮT LỖI**

**Câu 1. He watches TV every night.**

A. Đúng
B. Sai

**CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ**

**Câu 2. She ___ TV every night. (watch)**

A. watchs
B. watches
C. watch

**VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT**

**Câu 3. Câu nào đúng?**

A. She usually works late.
B. She works usually late.

**CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG**

**Câu 4. Trả lời: "I live in Da Nang." — Hỏi thế nào?**

A. What do you live?
B. Where do you live?
C. When do you live?

**BẮT LỖI**

**Câu 5. I is a teacher.**

A. Đúng
B. Sai

**CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ**

**Câu 6. He ___ English on weekends. (study)**

A. studys
B. studies
C. studyes

**VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT**

**Câu 7. Câu nào đúng?**

A. He is always tired.
B. He always is tired.

**CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG**

LIVEWORKSHEETS

**Câu 8. Trả lời: “I wake up at 6.” — Hỏi thế nào?**

A. When do you wake up?
B. Why do you wake up?
C. Who do you wake up?

BẮT LỖI

**Câu 9. They goes to school.**

A. Đúng
B. Sai

CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ

**Câu 10. My sister ___ to the gym. (go)**

A. goes
B. gos
C. go

VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT

**Câu 11. Câu nào đúng?**

A. I never drink coffee.
B. I drink never coffee.

CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG

**Câu 12. Trả lời: “I study English because I want a better job.” — Hỏi thế nào?**

A. Where do you study English?
B. Why do you study English?
C. What do you study English?

BẮT LỖI

**Câu 13. She usually is tired.**

A. Đúng
B. Sai

CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ

**Câu 14. He ___ his teeth twice a day. (brush)**

A. brushs
B. brushes
C. brush

VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT

**Câu 15. Câu nào đúng?**

A. They are often busy.
B. They often are busy.

CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG

**Câu 16. Trả lời: “I exercise three times a week.” — Hỏi thế nào?**

LIVEWORKSHEETS

A. How often do you exercise?
B. What do you exercise?
C. When do you exercise?

BẮT LỖI

**Câu 17. We live in Da Nang.**

A. Đúng
B. Sai

CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ

**Câu 18. She ___ dinner at 6. (cook)**

A. cooks
B. cookes
C. cook

VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT

**Câu 19. Câu nào đúng?**

A. We sometimes cook at home.
B. We cook sometimes at home.

CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG

**Câu 20. Trả lời: "I am a tutor." — Hỏi thế nào?**

A. What do you do?
B. Where do you do?
C. Why do you do?

LIVEWORKSHEETS

# ĐÁP ÁN

(Phần dành cho giáo viên / tự đối chiếu sau khi làm xong)

Câu 1 (Bắt lỗi) — Đáp án: A. Đúng
Đúng — watch tận cùng -ch nên thêm -es: watches.

Câu 2 (Chia đúng động từ) — Đáp án: B. watches
watch tận cùng -ch, thêm -es: watches.

Câu 3 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: A. She usually works late.
Trạng từ tần suất đứng trước động từ thường.

Câu 4 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: B. Where do you live?
Hỏi nơi ở, dùng Where.

Câu 5 (Bắt lỗi) — Đáp án: B. Sai
Sai — phải là "I am a teacher."

Câu 6 (Chia đúng động từ) — Đáp án: B. studies
Phụ âm cộng y, đổi y thành i, thêm -es: studies.

Câu 7 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: A. He is always tired.
Với to be, trạng từ tần suất đứng sau to be.

Câu 8 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: A. When do you wake up?
Hỏi thời điểm, dùng When.

Câu 9 (Bắt lỗi) — Đáp án: B. Sai
Sai — chủ ngữ they không thêm -s: "They go to school."

Câu 10 (Chia đúng động từ) — Đáp án: A. goes
go tận cùng -o, thêm -es: goes.

Câu 11 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: A. I never drink coffee.
Trạng từ tần suất đứng trước động từ thường.

Câu 12 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: B. Why do you study English?
Hỏi lý do, dùng Why.

Câu 13 (Bắt lỗi) — Đáp án: B. Sai
Sai — phải là "She is usually tired."

Câu 14 (Chia đúng động từ) — Đáp án: B. brushes
brush tận cùng -sh, thêm -es: brushes.

Câu 15 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: A. They are often busy.
Với to be, trạng từ tần suất đứng sau to be.

Câu 16 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: A. How often do you exercise?
Hỏi tần suất, dùng How often.

Câu 17 (Bắt lỗi) — Đáp án: A. Đúng
Đúng — cấu trúc đã chuẩn.

Câu 18 (Chia đúng động từ) — Đáp án: A. cooks
cook là động từ thường, chỉ thêm -s: cooks.

Câu 19 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: A. We sometimes cook at home.
Trạng từ tần suất đứng trước động từ thường.

LIVEWORKSHEETS

Câu 20 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: A. What do you do?
Hỏi nghề nghiệp, dùng “What do you do?”

*Gợi ý chấm điểm: 17-20 đúng = Xuất sắc | 12-16 đúng = Khá tốt | dưới 12 = Cần luyện thêm.*

LIVEWORKSHEETS